TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HƯNG YÊN** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:15/2021/DSST
Ngày: 16/12/2021
(V/v : Tranh chấp hợp đồng vay tài sản)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HƯNG YÊN – TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quang Lịch.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Đào Thị Đoan và bà Nguyễn Thị Bích Thu.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Giang - Cán bộ Tòa án.

- Đại diện VKSND TP. Hưng Yên: Bà Đào Ngọc Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hưng Yên mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 06/2021/TLST – DSST ngày 19/01/2021, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo quyết định xét xử số 19/2021/QĐXXST – DS ngày 30/11/2021 giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1959.
HKTT: Xã T, TP HY, tỉnh Hưng Yên.
Nơi làm việc: Công ty CPXD Đ.
Địa chỉ: Phường L, TP H, tỉnh Hưng Yên.

2. Bị đơn: Ông Trần Hải T, sinh năm 1960.
HKTT: Phường Q, quận Đ, TP Hà Nội.
Hiện trú tại: Phường T, quận Đ, TP Hà Nội.
Nơi làm việc: Công ty CPXD Đ.
Địa chỉ: Phường L, TP H, tỉnh Hưng Yên.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:
Bà Phạm Thị L, sinh năm 1968.
HKTT: Xã T, TP HY, tỉnh Hưng Yên.
Vắng mặt có lý do: Ủy quyền cho ông Nguyễn Văn K tham gia tố tụng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu trong quá trình giải quyết vụ án thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ông Nguyễn Văn K với ông Trần Hải T

có quan hệ là người cùng công tác tại Công ty CPXD Đ, tại Phường L, TP H, tỉnh Hưng Yên. Ông Trần Hải T làm phó giám đốc công ty, còn ông Nguyễn Văn K là nhân viên bảo vệ. Do cần tiền để làm các công trình, nên ông Trần Hải T đã hỏi vay tiền ông Nguyễn Văn K, vì nể và tin tưởng ông Trần Hải T làm phó giám đốc công ty, nên ông Nguyễn Văn K đã huy động tiền của vợ chồng bao nhiêu năm tích cóp tiết kiệm và tiền nhà nước trả đền bù ruộng nhà nước thu hồi cho ông Trần Hải T vay tổng số tiền là 850.000.000đ cho vay làm 5 lần: Lần 1: ngày 27/10/2014 cho vay 200.000.000đ; Lần 2: Ngày 07/01/2015 cho vay 200.000.000đ; Lần 3: Ngày 20/3/2015 cho vay 100.000.000đ; Lần 4: Ngày 10/9/2015 cho vay 100.000.000đ; Lần 5: Ngày 05/01/2016 cho vay 250.000.000đ. Cả 5 lần vay ông Trần Hải T đều ký giấy vay nợ tiền. Đến ngày 15/11/2016 và ngày 25/3/2017 đã diễn ra cuộc họp của những người lao động Công ty CPXD Đ để chốt số tiền mà ông Trần Hải T đã nợ một số người trong đó có ông Nguyễn Văn K. Chính ông Trần Hải T đã ký vào hai văn bản này thừa nhận nợ ông Nguyễn Văn K với số tiền là 855.000.000đ. Nhưng thực tế theo giấy vay nhận nợ chỉ có 850.000.000đ mà thôi. Khi ông Trần Hải T vay ông Nguyễn Văn K tiền hai bên có viết giấy biên nhận và thỏa thuận miệng lãi suất là 2.500đ/1triệu/ngày, nhưng từ khi vay cho tới nay ông Trần Hải T chưa trả cho Kiêm đồng tiền gốc và lãi nào cả. Mặc dù ông Nguyễn Văn K đã đòi ông Trần Hải T rất nhiều lần, nhưng ông Trần Hải T cứ hứa là bán nhà ở Hà Nội đi sẽ trả tiền cho ông Nguyễn Văn K, nhưng bán nhà rồi cũng không trả và lại lấy lý do là khi nào Công ty trả nợ cho ông Trần Hải T, thì ông Trần Hải T sẽ trả cho ông Nguyễn Văn K.

Nay ông Nguyễn Văn K đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên buộc ông Trần Hải T phải trả cho Kiêm tiền gốc 850.000.000đ và lãi suất là 1,2%/ năm cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Nhưng sau đó ông Nguyễn Văn K thay đổi yêu cầu, không yêu cầu ông Trần Hải T phải trả tiền lãi nữa, mà chỉ yêu cầu trả 850.000.000đ tiền gốc.

Ông Trần Hải T thừa nhận có vay ông Nguyễn Văn K số tiền 850.000.000đ như ông Nguyễn Văn K trình bầy ở trên. Do hiện nay Công ty CPXD Đ còn nợ vốn của ông là 10.700.000.000đ chưa trả, nên ông chưa có tiền trả cho ông Nguyễn Văn K và một số người khác mà ông nợ. Khi nào Công ty CPXD Đ trả ông số tiền này thì ông sẽ thanh toán trả cho ông Nguyễn Văn K và mọi người. Ông Nguyễn Văn K chỉ yêu cầu ông trả 850.000.000đ tiền gốc, còn tiền lãi không yêu cầu thì ông cũng nhất trí.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị L (Vợ ông Nguyễn Văn K) trình bầy như ông Nguyễn Văn K trình bầy ở trên và ủy quyền toàn bộ

cho ông Nguyễn Văn K.

Tại phiên Tòa: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn K và ông Trần Hải T đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Trong đơn ông Nguyễn Văn K đề nghị buộc ông Trần Hải T phải trả 850.000.000đ tiền gốc, không yêu cầu trả lãi. Trong đơn ông Trần Hải T có quan điểm khi nào Công ty CPXD Đ trả tiền cho ông thì ông sẽ trả cho ông Nguyễn Văn K 850.000.000đ tiền gốc.

- Đại diện VKSND thành phố Hưng Yên phát biểu quan điểm:

+ Về chấp hành pháp luật tố tụng của thẩm phán và nguyên đơn từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử, đều thực hiện và chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Trần Hải T còn chưa chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án để lấy lời khai và hòa giải. Tại phiên Tòa HĐXX và thư ký đã thực hiện và chấp hành đúng quy định của BLTTDS. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn K, bị đơn ông Trần Hải T đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào Điều 227 của BLTTDS để xét xử vắng mặt.

+ Về nội dung giải quyết vụ án đã đề nghị hội đồng xét xử: Áp dung khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 149, Điều 275, Điều 280, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 469, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Toà án. Đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K. Buộc ông Trần Hải T phải trả ông vợ chồng ông Nguyễn Văn K, bà Phạm Thị L 850.000.000đ tiền gốc. Về lãi ông Nguyễn Văn K không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật và ông Nguyễn Văn K, bà Phạm Thị L có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp, nếu ông Trần Hải T chậm thi hành trả khoản tiền trên, thì sẽ phải chịu lãi suất tương ứng với thời gian chậm thi hành, theo quy định tại Điều 357 và khoản 1 điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Do yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K được chấp nhận, nên không phải chịu án phí. Buộc ông Trần Hải T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quan điểm của đại diện VKSND thành phố Hưng Yên.

Về quan hệ pháp luật: HĐXX xét thấy quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn K thì thấy rằng: Lời trình bầy của ông Nguyễn Văn K cho ông Trần Hải T vay làm 5 lần: Lần 1: ngày

27/10/2014 cho vay 200.000.000đ; Lần 2: Ngày 07/01/2015 cho vay 200.000.000đ; Lần 3: Ngày 20/3/2015 cho vay 100.000.000đ; Lần 4: Ngày 10/9/2015 cho vay 100.000.000đ; Lần 5: Ngày 05/01/2016 cho vay 250.000.000đ. Cả 5 lần đều viết giấy biên nhận vay, ông Trần Hải T đều ký giấy vay nợ tiền. Lời trình bầy của nguyên đơn ông Nguyễn Văn K hoàn toàn phù hợp với các giấy vay tiền mà ông Trần Hải T đã ký và phù hợp với lời thừa nhận của ông Trần Hải T là có vay của ông Nguyễn Văn K 850.000.000đ hai bên có viết và ký giấy vay nợ . Ngoài ra còn phù hợp với 02 biên bản họp ngày 15/11/2016 và ngày 25/3/2017 của những người lao động Công ty CPXD Đ để chốt số tiền mà ông Trần Hải T đã nợ một số người trong đó có ông Nguyễn Văn K, chính ông Trần Hải T đã ký vào hai văn bản này. Như vậy đã có căn cứ khẳng định ông Trần Hải T nợ vợ chồng ông Nguyễn Văn K, bà Phạm Thị L 850.000.000đ tiền gốc. Nay ông Nguyễn Văn K yêu cầu buộc ông Trần Hải T phải trả cho vợ chồng ông Nguyễn Văn K 850.000.000đ tiền gốc, còn tiền lãi vợ chồng ông Nguyễn Văn K không yêu cầu ông Trần Hải T phải trả nữa. Do đó buộc ông Trần Hải T phải trả cho vợ chồng ông Nguyễn Văn K 850.000.000đ tiền gốc. Về lãi suất vợ chồng ông Nguyễn Văn K không yêu cầu Tòa án giải quyết. Việc không yêu cầu về lãi của ông Nguyễn Văn K là tự nguyện. Do đó cần chấp nhận sự tự nguyện này của ông Nguyễn Văn K, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật và vợ chồng ông Nguyễn Văn K, bà Liễu có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp, nếu ông Trần Hải T chậm thi hành trả khoản tiền trên, thì sẽ phải chịu lãi suất, theo quy định tại Điều 357 và khoản 1 điều 468 của bộ luật dân sự.

- Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn K được chấp nhận, nên không phải chịu án phí. Buộc ông Trần Hải T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 800.000.000đ phải chịu 36.000.000đ + (Số tiền vượt quá 800.000.000đ là 50.000.000đ x 3%) = 37.500.000đ tiền án phí DSST.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 149, Điều 275, Điều 280, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 469, Điều 357 và Điều 468 - BLDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Toà án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K.

- Buộc ông Trần Hải T phải trả cho vợ chồng ông Nguyễn Văn K, bà Phạm Thị L 850.000.000đ tiền gốc.

Về lãi suất ông Nguyễn Văn K không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật và ông Nguyễn Văn K, bà Phạm Thị L có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp, nếu ông Trần Hải T, chậm thi hành trả khoản tiền trên, thì sẽ phải chịu lãi suất, theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của bộ luật dân sự.

- Về án phí: Buộc ông Trần Hải T phải chịu 37.500.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 - Luật Thi án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 - Luật thi hành án dân sự,thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 - Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Văn K, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị L và bị đơn ông Trần Hải T vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản sao bản án tại UBND nơi thường trú.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- VKSND cùng cấp
- Phòng kiểm tra TAND tỉnh Hưng Yên.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Đỗ Quang Lịch